

Số: 39 /QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 11 tháng 01 năm 2018

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc Quy định thời hạn, mẫu biểu báo cáo tình hình chấp hành ngân sách nhà nước; thời gian gửi và thẩm định báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước hàng năm đối với đơn vị dự toán, đơn vị sử dụng ngân sách các cấp ở địa phương**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Công văn số 3507/STC-NS ngày 29/12/2017,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Quy định thời hạn, mẫu biểu báo cáo tình hình chấp hành ngân sách nhà nước; thời gian gửi và thẩm định báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước hàng năm đối với đơn vị dự toán, đơn vị sử dụng ngân sách các cấp ở địa phương, cụ thể như sau:

1. Đối với báo cáo chấp hành ngân sách nhà nước:

a) Sở Tài chính và Phòng Tài chính - Kế hoạch các huyện, thành phố định kỳ hàng tháng báo cáo UBND cùng cấp và các cơ quan có liên quan về việc thực hiện thu, chi ngân sách địa phương; Phòng Tài chính - Kế hoạch các huyện, thành phố báo cáo Sở Tài chính về tình hình sử dụng các khoản bổ sung có mục tiêu từ ngân sách tỉnh theo đúng quy định.

b) UBND các huyện, thành phố định kỳ hàng tháng báo cáo Sở Tài chính về việc thực hiện thu, chi ngân sách địa phương.

c) Thời hạn gửi báo cáo: Trước ngày 15 hàng tháng.

d) Mẫu biểu báo cáo gồm:

Biểu số 01: Ước thực hiện thu ngân sách nhà nước tháng;

Biểu số 02: Ước thực hiện chi ngân sách địa phương tháng;

Biểu số 03: Báo cáo tình hình sử dụng số bổ sung có mục tiêu từ ngân sách tỉnh cho ngân sách huyện tháng.

(Cụ thể các Biểu đính kèm Quyết định này).

2. Đối với báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước hàng năm:

a) Thời hạn gửi báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước hàng năm:

- Các đơn vị dự toán cấp I thuộc ngân sách cấp tỉnh và các cơ quan, đơn vị có sử dụng ngân sách cấp tỉnh gửi báo cáo quyết toán về Sở Tài chính trước ngày 30/4 năm sau.

- Các đơn vị dự toán cấp I thuộc ngân sách cấp huyện và các cơ quan có sử dụng ngân sách cấp huyện gửi về Phòng Tài chính - Kế hoạch trước ngày 31/3 năm sau.

b) Thời hạn thẩm định báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước hàng năm của cơ quan tài chính:

- Trước ngày 30/8 năm sau, đối với các đơn vị dự toán cấp I thuộc ngân sách cấp tỉnh và các cơ quan có sử dụng ngân sách cấp tỉnh.

- Trước ngày 31/4 năm sau, đối với đơn vị dự toán cấp I thuộc ngân sách cấp huyện và các cơ quan có sử dụng ngân sách cấp huyện.

## Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và được áp dụng từ năm ngân sách 2017.

2. Bãi bỏ Quyết định số 2309/QĐ-UBND ngày 18/12/2008 của Chủ tịch UBND tỉnh.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đơn vị thuộc tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

### Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực Tỉnh uỷ (b/cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Ban KT-NS HĐND tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh uỷ, HĐND tỉnh;
- Các Tổ chức Chính trị - xã hội tỉnh;
- Cục Thuế tỉnh;
- Cục Hải quan tỉnh;
- Ngân hàng Nhà nước-chi nhánh Quảng Ngãi;
- Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi;
- VPUB: PVP, các P.N/cứu, CBTH;
- Lưu VT, KT.bngoc12



**Trần Ngọc Căng**

ƯỚC THỰC HIỆN THU NSNN THÁNG ..... NĂM .....

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN	ƯỚC THỰC HIỆN		ƯỚC... THÁNG SO (%)	
			THÁNG...	LŨY KẾ... THÁNG	DỰ TOÁN	CÙNG KỲ NĂM...
A	B	1	2	3	4	5
<b>A</b>	<b>TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN</b>					
<b>I</b>	<b>Thu nội địa</b>					
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp Nhà nước					
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài					
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh					
4	Thuế thu nhập cá nhân					
5	Thuế bảo vệ môi trường					
6	Các loại phí, lệ phí					
	<i>Trong đó lệ phí trước bạ</i>					
7	Các khoản thu về nhà, đất					
	- Thuế sử dụng đất nông nghiệp					
	- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp					
	- Thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước					
	- Thu tiền sử dụng đất					
	- Thu tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước					
8	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết					
9	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản					
10	Thu khác ngân sách					
11	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác					
12	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu, chi của Ngân hàng Nhà nước					
<b>II</b>	<b>Thu từ dầu thô</b>					
<b>III</b>	<b>Thu cân đối từ hoạt động xuất nhập khẩu</b>					
1	Tổng số thu từ hoạt động xuất nhập khẩu					
	- Thuế GTGT thu từ hàng hóa nhập khẩu					
	- Thuế xuất khẩu					
	- Thuế nhập khẩu					
	- Thuế TTĐB thu từ hàng, hóa nhập khẩu					
	- Thuế BVMT thu từ hàng hóa nhập khẩu					
	- Thuế khác					
2	Hoàn thuế GTGT					
<b>IV</b>	<b>Thu viện trợ</b>					
<b>B</b>	<b>THU NSDP ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP</b>					
1	Từ các khoản thu phân chia					
2	Các khoản thu NSDP hưởng 100%					

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NSDP THÁNG.... NĂM .....

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN	ƯỚC THỰC HIỆN		ƯỚC... THÁNG SO (%)	
			THÁNG...	LŨY KẾ... THÁNG	DỰ TOÁN	CÙNG KỲ NĂM...
A	B	1	2	3	4	5
	<b>TỔNG SỐ CHI NSDP</b>					
<b>A</b>	<b>CHI CÂN ĐỐI NSDP</b>					
<b>I</b>	<b>Chi đầu tư phát triển</b>					
1	Chi đầu tư cho các dự án					
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích; các tổ chức kinh tế; các tổ chức tài chính; đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp.					
3	Chi đầu tư phát triển khác					
<b>II</b>	<b>Chi trả nợ lãi</b>					
<b>III</b>	<b>Chi thường xuyên</b>					
1	Chi quốc phòng					
2	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội					
3	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề					
4	Chi khoa học và công nghệ					
5	Chi y tế, dân số và gia đình					
6	Chi văn hóa thông tin					
7	Chi phát thanh, truyền hình					
8	Chi thể dục thể thao					
9	Chi bảo vệ môi trường					
10	Chi các hoạt động kinh tế					
11	Chi quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể					
12	Chi bảo đảm xã hội					
13	Chi thường xuyên khác					
<b>VI</b>	<b>Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính</b>					
<b>VII</b>	<b>Dự phòng ngân sách</b>					
<b>VIII</b>	<b>Các nhiệm vụ chi khác</b>					
<b>B</b>	<b>CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NS CẤP TRÊN</b>					
1	Chương trình MTQG					
a	Chương trình xây dựng nông thôn mới					
b	Chương trình giảm nghèo bền vững					
2	Cho chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư					
3	Chi cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên					

Biểu số 03

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG SỐ BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH TỈNH CHO NGÂN SÁCH HUYỆN THÁNG.....**

(Từ ngày ..... đến ngày .....)

ĐVT : Triệu đồng

TT	Nội dung	Số bổ sung	Số đã rút	Số chưa rút	QE, CV của UBND tỉnh	QE phân bổ của UBND huyện	Đơn vị	Số tiền	Còn lại chưa phân bổ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	<b>Tổng cộng</b>							0	0
<b>1</b>	<b><u>Bổ sung theo dự toán giao đầu năm:</u></b>								
	.....								
<b>2</b>	<b><u>Bổ sung trong quá trình thực hiện dự toán:</u></b>								
	.....								
<b>3</b>	<b><u>Kinh phí tạm ứng, ứng trước</u></b>								
	.....								

Ghi chú: Báo cáo số liệu bao gồm cả từ đầu năm đến kỳ báo cáo